

Chi tiết mã HS 3923

Mã HS	3923
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic
Đơn vị	
Thời điểm tạo	30/10/2026 21:20:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/3923/

16 dòng thuế thuộc 3923

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3923.10.10	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Hộp, hòm, thùng thưa và các loại tương tự: / - - Hộp đựng phim, băng từ và đĩa quang	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.10.20	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Hộp, hòm, thùng thưa và các loại tương tự: / - - Loại khác, có hình dạng đặc biệt hoặc thích hợp để vận chuyển hoặc đóng gói các tấm bán dẫn mỏng, màn hoặc lưới quang (SEN)	kg/chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.10.90	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Hộp, hòm, thùng thưa và các loại tương tự: / - - Loại khác	kg/chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.21.11	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bao và túi (kể cả loại hình nón): / - - Từ các polyme từ etylen: / - - - Túi vô trùng được gia cố bằng lá nhôm (trừ túi đáy nở-retort): / - - - - Có chiều rộng từ 315 mm trở lên và có chiều dài từ 410 mm trở lên, gắn với nắp đệm kín	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.21.19	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bao và túi (kể cả loại hình nón): / - - Từ các polyme từ etylen: / - - - Túi vô trùng được gia cố bằng lá nhôm (trừ túi đáy nở-retort): / - - - - Loại khác	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3923.21.91	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bao và túi (kể cả loại hình nón): / - - Từ các polyme từ etylen: / - - - Loại khác: / - - - - Túi vô trùng không được gia cố bằng lá nhôm (trừ túi đáy nở-retort), chiều rộng từ 315 mm trở lên và chiều dài từ 410 mm trở lên, gắn với nắp đệm kín(SEN)	kg/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.21.99	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bao và túi (kể cả loại hình nón): / - - Từ các polyme từ etylen: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác	kg/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.29.10	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bao và túi (kể cả loại hình nón): / - - Từ plastic khác: / - - - Túi vô trùng đã hoặc chưa gia cố bằng lá nhôm (trừ túi đáy nở-retort), chiều rộng từ 315 mm trở lên và chiều dài từ 410 mm trở lên, gắn với nắp đệm kín	kg/chiếc	18%	12%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.29.90	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bao và túi (kể cả loại hình nón): / - - Từ plastic khác: / - - - Loại khác	kg/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.30.20	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bình, chai, lọ, bình thốt cổ và các sản phẩm tương tự: / - - Bình chứa nhiều lớp được gia cố bằng sợi thủy tinh, dùng cho khí nén hoặc khí hóa lỏng(SEN)	kg/chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.30.90	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bình, chai, lọ, bình thốt cổ và các sản phẩm tương tự: / - - Loại khác	kg/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.40.10	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Suốt chỉ, ống chỉ, lõi và các vật phẩm tương tự: / - - Loại phù hợp sử dụng với máy móc thuộc nhóm 84.44, 84.45 hoặc 84.48(SEN)	kg/chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.40.90	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Suốt chỉ, ống chỉ, lõi và các vật phẩm tương tự: / - - Loại khác	kg/chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.50.00	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Nút, nắp, mũ van và các nút đậy khác	kg/chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
3923.90.10	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Tuýp để đựng kem đánh răng	kg/chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
3923.90.90	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Loại khác: / - - Loại khác	kg/chiếc	22,5%	15%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.